

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 05/5/2023

Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hoàng Kiệt
2. Ông Trần Văn Tám

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 206/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXX-ST ngày 31 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thị T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp Cạn N, xã Thạnh Y, huyện U Minh Th, tỉnh Kiên G (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Lý Văn Đ, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp Cạn Ngọn A, xã Thạnh Y, huyện U Minh Th, tỉnh Kiên G (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn ngày 27/4/2022 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Thị T và anh Lý Văn Đ (sau đây gọi tắt là chị T, anh Đ) tự nguyện quen biết và sau một thời gian tìm hiểu cả hai tiến đến hôn nhân và

được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương năm 2012 và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã Thạnh Y, huyện U Minh Th, tỉnh Kiên G ngày 18/8/2017. Sau khi cưới vợ chồng chung sống thường xảy ra mâu thuẫn, sống không hạnh phúc nhưng mâu thuẫn trầm trọng nhất từ năm 2019 do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, không hợp. Anh Đ thể hiện tính gia trưởng, anh Đ không lo làm ăn, thỉnh thoảng có đi làm hồ, tự quản lý chi tiêu tiền riêng không đưa cho vợ, thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu, mỗi lần say rượu là chửi mắng chị T một cách thâm tệ, không tôn trọng chị T và gia đình bên vợ, nhiều lần bạo lực đối với chị T. Chị T là người vợ chẳng khác gì là người làm thuê cho anh Đ, anh Đ kêu đi mua gì thì phải mua đúng cái đó nếu chị mua không đúng đồ thì anh Đ dùng bạo lực đối với chị T. Nhiều lần mâu thuẫn của vợ chồng được cha mẹ hàn gắn nhưng anh Đ không sửa đổi, nên ly thân từ tháng 12/2022 đến nay. Chị T kiên quyết xin được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng chị T, anh Đ có 03 người con chung Lý Văn Hòa, sinh ngày 23/01/2013, Lý Văn Phát, sinh ngày 04/3/2014 và Lý Văn Lộc, sinh ngày 07/11/2016. Vợ chồng ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con chung Lý Văn Hòa, Lý Văn Phát, giao con chung Lý Văn Lộc cho anh Đ nuôi dưỡng. Chị không cấp dưỡng nuôi con. Nay chị T xin thay đổi giao 03 con chung Hòa, Phát, Lộc cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lý Văn Đ được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không đến Tòa án, nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị T kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh Đ, do vợ chồng không còn tình thương, anh Đ không tôn trọng chị T và xem thường chửi mắng cha mẹ vợ nên chị T, anh Đ ly thân từ tháng 12/2022 đến nay anh, chị cũng không có liên lạc.

Về con chung: Chị T giao 03 người con chung Lý Văn Hòa, Lý Văn Phát, Lý Văn Lộc cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Chị không cấp dưỡng nuôi con; vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn anh Lý Văn Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đ không có phản tố, ý kiến đối với yêu cầu của phía nguyên đơn chị T. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh Lý Văn Đ.

[2]. *Về quan hệ tranh chấp*: Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Thị T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn anh Lý Văn Đ. Đây là tranh chấp vụ án ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. *Về hôn nhân*: Chị T và anh Đ có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạnh Y, huyện U Minh Th, tỉnh Kiên G ngày 18/8/2017, nên hôn nhân giữa chị T, anh Đ là hợp pháp. Tại phiên tòa chị T trình bày lý do xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Đ thể hiện tính gia trưởng, không tôn trọng chị T và cha, mẹ chị, tự quản lý tiền riêng; thường xuyên uống rượu và khi say rượu về nhà thì gây sự chửi mắng chị T một cách thâm tệ. Nhiều lần chị T khuyên anh Đ sửa đổi nhưng anh không thay đổi nên vợ chồng ly thân từ tháng tháng 12/2022 đến nay không liên lạc. Tình trạng hôn nhân giữa chị T, anh Đ cũng được chính quyền địa phương và UBND xã Thạnh Y xác nhận là đúng.

Tại phiên tòa, HĐXX đã phân tích, động viên hàn gắn nhưng chị T kiên quyết ly hôn với anh Đ, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh Đ không còn nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX cho chị T được ly hôn với anh Đ.

[4]. *Về con chung*: Vợ chồng chị T, anh Đ có 03 người con chung Lý Văn Hòa, Lý Văn Phát và Lý Văn Lộc (các con đang sống với anh Đ). Chị Tho giao các con cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con, HĐXX nhận thấy: Hiện các cháu Hòa, Phát, Lộc đang sống với anh Đ nhằm đảm bảo cuộc sống ổn định và quyền lợi về mọi mặt cho các cháu được nuôi dưỡng và phát triển tốt nhất, Tòa án nhiều lần triệu tập anh Đ và yêu cầu anh đưa các cháu Hòa, Phát, Lộc đến Tòa án để cho các cháu có ý kiến, nguyện vọng muốn sống với chị T hay anh Đ khi cha mẹ ly hôn, nhưng anh Đ không đến Tòa án và hiện nay các cháu không có mặt ở địa phương. Tại phiên tòa, chị T xác nhận, mặc dù

anh Đ có xảy ra cự cãi, chửi mắng và không tôn trọng chị T nhưng anh Đ rất thương yêu các con, nên chị đề anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng các con. Do đó, HĐXX thống nhất: Giao con chung Hòa, Phát, Lộc cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. *Về chia tài sản chung*: Chị T xác định vợ chồng chị T, anh Đ không có tài sản chung, nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

[5]. *Về án phí xin ly hôn*:

Chị Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0003462 ngày 28/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Th.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho chị Thị T được ly hôn với anh Lý Văn Đ.

2. *Về con chung*: Giao con chung Lý Văn Hòa, sinh ngày 23/01/2013, Lý Văn Phát, sinh ngày 04/3/2014 và Lý Văn Lộc, sinh ngày 07/11/2016 (hiện các con đang sống với anh Đ) cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Thị T có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai có quyền cản trở.

3. *Về chia tài sản chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. *Về án phí*: Chị Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0003462 ngày 28/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Th.

5. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát ND H. U Minh Thượng;
- Chi cục Thi hành án DS H. U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký, đóng dấu)

Danh Hoàng